BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT:

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC CÔNGTRÌNH	DIỆN TÍCH (m2)	MĐXD MAX (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA	TẦNG CAO TRUNG BÌNH	HSSDĐ TỐI ĐA
A		ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	11.987,88				
	CC1	NHÀ SINH HOẠT TỔ DÂN PHỐ	2.067,55	40	2	2	0.8
	CC2	SIÊU THỊ	2.525,60	60	3	3	1.8
	CC3	ĐẤT VIỆN KIỂM SÁT	1987.43	40	3	3	1.2
	CC4	ĐẤT NHÀ TRUYỀN THỐNG VÀ THƯ VIỆN HUYỆN	5.125,20	25	1	1	0.25
	CC5	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	282,10	60	3	3	1.8
B	GD	ĐẤT CT GIÁO DỤC	1.957,45	40	3	3	1.2
C		ĐẤT CT THỂ THAO - CÂY XANH - MẶT NƯỚC	20.507,02				
	CX1	ĐẤT KHU LIÊN HỢP THỂ THAO	15.111,57	10	1	1	0.10
	CX2	ĐẤT VƯỜN HOA ĐƠN VỊ Ở	2.139,98	-	-	-	-
	CX3	ĐẤT VƯỜN HOA ĐƠN VỊ Ở	2.036,67	-	-	-	-
	CX4	ĐẤT VƯỜN HOA ĐƠN VỊ Ở	161,20	-	-	-	-
	CX5	ĐẤT VƯỜN HOA ĐƠN VỊ Ở	203,00	-	-	-	-
	CX6	ĐẤT VƯỜN HOA ĐƠN VỊ Ở	200,50	-	-	-	-
		ĐẤT VƯỜN HOA ĐƠN VỊ Ở KHÁC	60,68	-	-	-	-
	MN	MẶT NƯỚC	593,60	-	-	-	-
E		ĐẤT Ở	73.778,86				
	B1	LÔ ĐẤT BIỆT THỰ	275,50	60	3	2	1.8
	B2	--	255,60	60	3	2	1.8
	B3	--	255,60	60	3	2	1.8
	B4	--	255,60	60	3	2	1.8
	B5	--	255,60	60	3	2	1.8
	B6	--	255,60	60	3	2	1.8
	B7	--	255,60	60	3	2	1.8
	B8	--	316,10	60	3	2	1.8
	B9	--	284,30	60	3	2	1.8
	B10	--	285,00	60	3	2	1.8
	B11	--	285,80	60	3	2	1.8
	B12	--	286,50	60	3	2	1.8
	B13	--	287,30	60	3	2	1.8
	B14	--	288,00	60	3	2	1.8
	B15	--	293,40	60	3	2	1.8
	B16	--	429,80	60	3	2	1.8
	B17	--	274,50	60	3	2	1.8
	B18	--	273,80	60	3	2	1.8
	B19	--	272,30	60	3	2	1.8
	B20	--	271,50	60	3	2	1.8
	B21	--	270,80	60	3	2	1.8
	B22	--	301,30	60	3	2	1.8
	B23	--	379,30	60	3	2	1.8
	B24	--	276,00	60	3	2	1.8
	B25	--	276,80	60	3	2	1.8
	B26	--	278,30	60	3	2	1.8
	B27	--	279,00	60	3	2	1.8
	B28	--	293,10	60	3	2	1.8
	B29	--	492,70	60	3	2	1.8
	B30	--	278,30	60	3	2	1.8
	B31	--	277,50	60	3	2	1.8
	B32	--	276,80	60	3	2	1.8
	B33	--	311,40	60	3	2	1.8
F	L	ĐẤT Ở LIÊN KỀ					
	L1	ĐẤT Ở	200,00	70	5	3	3.5
	L2	--	127,50	75	5	3	3.75
	L3	--	122,30	80	5	3	4.0
	L4	--	121,40	80	5	3	4.0
	L5	--	121,20	80	5	3	4.0
	L6 - L9	--	121,20	80	5	3	4.0
	L10 - L16	ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ	121,20	80	5	3	4.0
	L17	ĐẤT Ở	163,10	80	5	3	4.0
	L18	--	115,50	80	5	3	4.0
	L19	--	115,50	80	5	3	4.0
	L20	--	143,40	75	5	3	3.75
	L21	--	218,40	75	5	3	3.75
	L22 - L28	--	137,00	75	5	3	3.75
	L29	--	143,60	75	5	3	3.75
	L30	--	135,70	75	5	3	3.75
	L31	--	166,50	75	5	3	3.75
	L32	--	101,40	80	5	3	4.0
	L33 - L41	--	125,00	77	5	3	3.85
	L42	--	132,30	75	5	3	3.75
	L43 - L45	--	115,00	78	5	3	3.9
	L46	--	114,70	78	5	3	3.9
	L47 - L50	--	114,60	78	5	3	3.9
	L51	--	161,30	75	5	3	3.75
	L52 - L67	--	125,00	77	5	3	3.85
	L68	--	153,30	80	5	3	4.0
	L69	--	195,70	80	5	3	4.0
	L70 - L71	--	125,00	80	5	3	4.0
	L72	--	150,00	80	5	3	4.0
	L73	--	193,20	75	5	3	3.75
	L74 - L75	--	114,50	78	5	3	3.9
	L76	--	137,30	75	5	3	3.75
	L77	--	130,20	75	5	3	3.75
	L78 - L79	--	108,50	79	5	3	3.95
	L80	--	155,70	75	5	3	3.75
	L81 - L103	--	121,50	78	5	3	3.9
	L104	--	157,80	75	5	3	3.75
	L105 - L111	--	109,00	79	5	3	3.95
	L112	--	199,50	75	5	3	3.75
	L113 - L118	--	132,50	75	5	3	3.75
	L119	--	132,30	75	5	3	3.75
	L120 - L124	--	132,00	75	5	3	3.75
	L125	--	131,80	80	5	3	4.0
	L126 - L130	--	131,50	80	5	3	4.0
	L131	--	131,30	80	5	3	4.0
	L132	--	131,00	80	5	3	4.0
	L133 - L152	--	125,00	80	5	3	4.0
	L153	--	163,80	80	5	3	4.0
	L154	--	107,20	79	5	3	3.95
	L155 - L159	--	107,00	79	5	3	3.95
	L160	--	106,70	79	5	3	3.95
	L161	--	177,70	75	5	3	3.75
	L162	--	173,80	75	5	3	3.75
	L163 - L164	--	110,50	79	5	3	3.95
	L165	--	132,60	75	5	3	3.75
	L166 - L185	--	125,00	77	5	3	3.85
	L186	--	166,80	75	5	3	3.75
	L187	--	106,00	79	5	3	3.95
	L188	--	106,00	79	5	3	3.95
	L189	--	127,20	77	5	3	3.85
	L190	ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ	93,91	80	5	3	4.0
	L191	--	94,62	80	5	3	4.0
	L192	--	96,50	80	5	3	4.0
	L193	--	99,55	80	5	3	4.0
	L194	--	101,14	80	5	3	4.0
	L195 - L196	--	93,00	80	5	3	4.0
	L197	--	95,04	80	5	3	4.0
	L198	ĐẤT Ở	108,00	79	5	3	4.0
	L199	--	98,70	80	5	3	4.0
	L200	--	97,30	80	5	3	4.0
	L201	--	95,80	80	5	3	4.0
	L202	--	94,40	80	5	3	4.0
	L203	--	93,00	80	5	3	4.0
	L204	--	91,50	80	5	3	4.0
	L205	--	90,00	80	5	3	4.0
	L206	--	152,00	75	5	3	3.75
	L207	--	123,90	80	5	3	3.90
	L208	--	122,70	80	5	3	3.9
	L209	--	121,60	80	5	3	3.9

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC CÔNGTRÌNH	DIỆN TÍCH (m2)	MĐXD MAX (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA	TẦNG CAO TRUNG BÌNH	HSSDĐ TỐI ĐA
	L210	--	120,40	78	5	3	3.9
	L211	--	119,30	78	5	3	3.9
	L212	--	118,20	80	5	3	3.9
	L213	--	117,00	80	5	3	3.9
	L214	--	115,90	80	5	3	3.9
	L215	--	114,70	80	5	3	3.95
	L216	--	104,80	80	5	3	3.95
	L217	--	120,30	78	5	3	3.9
	L218	--	119,80	78	5	3	3.9
	L219	--	119,50	78	5	3	3.9
	L220	--	119,20	78	5	3	3.9
	L221	--	118,80	78	5	3	3.9
	L222	--	118,40	78	5	3	3.9
	L223	--	118,00	78	5	3	3.9
	L224	--	134,40	75	5	3	3.75
	L225	--	194,60	75	5	3	3.75
	L226	--	114,40	78	5	3	3.9
	L227	--	115,60	78	5	3	3.9
	L228	--	117,00	78	5	3	3.9
	L229	--	118,70	80	5	3	3.9
	L230	--	119,80	80	5	3	3.9
	L231	--	121,40	80	5	3	3.9
	L232	--	173,30	75	5	3	3.7
	L233	--	167,20	75	5	3	3.75
	L234	--	107,00	79	5	3	3.95
	L235	--	107,00	79	5	3	3.95
	L236	--	128,10	77	5	3	3.85
	L237 - L242	--	125,00	77	5	3	3.85
	L243	--	80,10	80	5	3	4.0
	L244	--	80,30	80	5	3	4.0
	L245	--	80,60	80	5	3	4.0
	L246	--	81,00	80	5	3	4.0
	L247	--	81,40	80	5	3	4.0
	L248	--	81,60	80	5	3	4.0
	L249	--	82,20	80	5	3	4.0
	L250	--	82,10	80	5	3	4.0
	L251	--	88,20	80	5	3	4.0
	L252	--	95,90	80	5	3	4.0
	L253	--	95,50	80	5	3	4.0
	L254	--	95,50	80	5	3	4.0
	L255	--	87,00	80	5	3	4.0
	L256	--	87,00	80	5	3	4.0
	L257	--	78,80	80	5	3	4.0
	L258	--	78,90	80	5	3	4.0
	L259	--	147,40	75	5	3	3.75
	L260	--	115,30	78	5	3	3.9
	L261	--	115,30	78	5	3	3.9
	L262 - L275	--	125,00	77	5	3	3.85
	L276	--	192,00	75	5	3	3.55
	L277	--	188,00	75	5	3	3.55
	L278	--	121,50	77	5	3	3.85
	L279	--	121,50	77	5	3	3.85
	L280 - L288	--	121,20	80	5	3	3.85
	L289	--	200,10	80	5	3	3.5
	L290	--	218,70	80	5	3	3.45
	L291 - L292	--	106,60	79	5	3	3.95
	L293	--	106,50	79	5	3	3.95
	L294	--	106,40	79	5	3	3.95
	L295	--	106,30	79	5	3	3.95
	L296	--	106,20	79	5	3	3.95
	L297	--	106,10	79	5	3	3.95
	L298	--	106,00	79	5	3	3.95
	L299	--	105,90	79	5	3	3.95
	L300	--	105,80	80	5	3	3.95
	L301	--	105,70	80	5	3	3.95
	L302	--	116,20	80	5	3	3.9
	L303	--	202,80	75	5	3	3.4
	L304 - L315	--	114,80	78	5	3	3.9
	L316	--	126,50	80	5	3	4.0
	L317	--	117,10	80	5	3	3.9
	L318	--	117,30	78	5	3	3.9
	L319	--	115,10	78	5	3	3.9
	L320	--	112,90	80	5	3	4.0
	L321	--	110,70	80	5	3	4.0
	L322 - L323	--	115,00	78	5	3	3.9
	L324	--	358,80	75	5	3	3.0
	L325	--	165,00	75	5	3	3.75
	L326 - L332	--	121,00	78	5	3	3.9
	L333	--	154,70	75	5	3	3.75
	L334 - L347	--	125,00	77	5	3	3.85
	L348	--	160,10	80	5	3	4.0
	L349	--	293,50	80	5	3	4.0
	L350 - L365	--	121,5	80	5	3	4.0
	L366	--	155,50	75	5	3	3.75
	L367	--	139,50	75	5	3	3.75
	L368	--	135,90	75	5	3	3.75
	L369	--	132,90	75	5	3	3.75
	L370	--	130,20	75	5	3	3.75
	L371	--	128,2	77	5	3	3.85
	L372	--	126,6	77	5	3	3.85
	L373	--	125,20	77	5	3	3.85
	L374 - L384	--	125,00	80	5	3	4.0
	L385	--	300,60	80	5	3	4.0
	L 386	--	148,4	80	5	3	4.0
	L387	--	126,6	80	5	3	4.0
	L388	--	126,3	80	5	3	4.0
	L389	--	125,7	80	5	3	4.0
	L390	--	125,6	80	5	3	4.0
	L391	--	125,2	80	5	3	4.0
	L392- L393	--	125,00	80	5	3	4.0
	L394 - L400	--	125,00	77	5	3	3.85
	L401	--	122,00	78	5	3	3.9
	L402	--	116,00	78	5	3	3.9
	L403	--	109,50	79	5	3	3.95
	L404	--	103,50	79	5	3	3.95
	L405	--	97,50	80	5	3	4.0
	L406	--	92,50	80	5	3	4.0
	L407	--	98,00	80	5	3	4.0
	L408	--	85,00	80	5	3	4.0
	L409-L416	--	125,00	77	5	3	3.85

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC CÔNGTRÌNH	DIỆN TÍCH (m2)	MĐXD MAX (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA	TẦNG CAO TRUNG BÌNH	HSSDĐ TỐI ĐA
	L417	--	217,80	75	5	3	3.75
	L418 - L423	--	125,00	77	5	3	3.85
	L424 - L451	--	115,00	78	5	3	3.9
	L452	--	233,00	75	5	3	3.75
	L453	--	208,90	75	5	3	3.75
	L454 - L466	--	125,00	80	5	3	4.0
	L467	--	159,70	80	5	3	4.0
	L468-L469	--	141,40	76	3	3	2.28
	L470-L471	--	120,00	78	5	3	3.9
	L472-L475	--	100,00	80	5	3	4.0
	L476	--	121,80	78	3	3	2.34
	L477	--	121,80	78	5	3	3.90
	L478-L485	--	112,00	78	3	3	2.34
	L486	--	98,00	80	3	3	2.4
	L487	--	131,80	77	3	3	3.31
	L488	--	131,80	77	5	3	3.85
	L489	--	98,00	80	5	3	4.0
	L490-L497	--	112,00	78	5	3	3.9
	L498	--	131,80	77	5	3	3.85
	L499	--	98,00	80	5	3	4.0
	L500-L508	--	112,00	78	5	3	3.9
	L509	--	100,10	79	5	3	3.95
	L510	--	107,80	79	5	3	3.95
	L511-L512	--	126,00	78	3	3	2.34
	L513	--	151,80	75	3	3	2.25
	L514	--	117,00	78	5	3	3.90
	L515-L518	--	98,00	80	5	3	4.0
	L519	--	98,00	80	5	3	4.0

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC CÔNGTRÌNH	DIỆN TÍCH (m2)	TỶ LỆ (%)
A	CC	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	11.987,88	7,48%
		ĐẤT CTCC PHỤC VỤ ĐÔ THỊ	9.180,18	5,73%
		ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	2.807,70	1,75%
B	GD	ĐẤT CT GIÁO DỤC	1.957,45	1,22%
C	CX	ĐẤT CT THỂ THAO + CÂY XANH + MẶT NƯỚC	20.507,20	12,80%
D	L	ĐẤT Ở	72.163,70	45,00%
		ĐẤT Ở BIỆT THỰ	9.648,70	6,00%
		ĐẤT Ở LIÊN KỀ	62.515,00	39,00%
E	L	ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ	1.615,16	1,00%
F		ĐẤT GIAO THÔNG	46.636,66	29,08%
J		ĐẤT KỸ THUẬT	5.478,35	3,42%
		CỘNG	160.346,40	100,00%

BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ RANH GIỚI QUY HOẠCH

TOẠ ĐỘ			
STT	ĐIỂM	X	Y
01	R1	1692521.29	581746.08
02	R2	1692530.30	581783.48
03	R3	1692538.96	581811.62
04	R4	1692539.19	581826.62
05	R5	1692534.03	581856.12
06	R6	1692528.48	581873.49
07	R7	1692318.139	581870.921
08	R8	1692317.87	581898.2297
09	R9	1692314.7929	581901.2151
10	R10	1692143.6231	581899.1957
11	R11	1692139.5576	581894.9792
12	R12	1692139.69	581868.70
13	R13	1691958.90	581866.47
14	R14	1691958.68	581890.61
15	R15	1691951.61	581897.61
16	R16	1691876.03	581896.88
17	R17	1691869.09	581889.82
18	R18	1691869.32	581865.36
19	R19	1691616.3639	581862.2126
20	R24	1691753.25	581738.27
21	R25	1691753.7266	581684.7642
22	R26	1691769.56	581661.80
23	R26*	1691765.70	581654.87
24	R27*	1691769.44	581645.30
25	R27	1691769.12	581635.63
26	R28	1691845.30	581593.67
27	R29	1691838.50	581581.35
28	R30	1691824.55	581573.10
29	R31	1691821.74	581574.56
30	R32	1691820.95	581573.17
31	R33	1691851.97	581555.95
32	R34	1691852.91	581558.03
33	R35	1691848.99	581559.59
34	R36	1691850.18	581575.59
35	R37	1691855.965	581586.125
36	R38	1691874.578	581577.616
37	R39	1691889.08	581603.51
38	R40	1691884.116	581624.047
39	R41	1691870.779	581630.134
40	R42	1691871.38	581642.35
41	R43	1691870.66	581720.33
42	R44	1691981.80	581721.38
43	R45	1691981.73	581734.32
44	R46	1692120.37	581735.54
45	R47	1692331.47	581737.35
46	R48	1692421.38	581738.55
47	R49	1692435.67	581734.80
48	R50	1692442.343	581757.956
49	R51	1692447.71	581808.09
50	R52	1692442.34	581757.95
51	R53	1692474.03	581808.01
52	R54	1692320.25	581704.34
53	R55	1692319.98	581737.30
54	R56	1692093.37	581735.28
55	R57	1692093.71	581697.39
56	R58	1692094.0551	581658.0296
57	R59	1692094.81	581623.08
58	R60	1692093.92	581606.84
59	R61	1692092.54	581592.52
60	R62	1692090.78	581581.88
61	R63	1692137.59	581573.53
62	R64	1692138.30	581578.59
63	R64*	1692169.3577	581579.4593
64	R65	1692201.54	581584.10
65	R65*	1692169.3120	581583.1215
66	R66	1692206.09	581614.484
67	R66*	1692206.26	581586.98
68	R67	1692212.608	581619.328
69	R68	1692248.31	581619.61
70	R69	1692248.04	581656.83
71	R70	1692282.114	581657.066
72	R70*	1692283.007	581660.208
73	R71	1692282.6821	581685.2288
74	R72	1692313.3705	581685.9486
75	R73	1692313.29	581697.29
76	R74	1692332.2969	581705.2072
77	R75	1692339.2102	581696.4591
78	R76	1692407.3020	581680.8015
79	R77	1692427.39	581737.03
80	R78	1691680.78	581737.42
81	R79	1691680.77	581797.80
82	R80	1691675.56	581797.72
83	R81	1691675.38	581809.21
84	R82	1691630.41	581809.53
85	R83	1691630.38	581797.03
86	R84	1691620.41	581796.87
87	R85	1691620.49	581789.27
88	R85*	1691596.35	581789.00
89	R86	1692445.324	581768.214
90	R56*	1692093.7869	581688.3062
91	R58*	1692100.0984	581683.6654
90	R87	1692402.026	581777.562
91	R88	1692395.508	581777.477
92	R89	1692409.675	581820.425
93	R90	1692436.1088	581811.4498
94	R91	1692436.0954	581804.3127
95	R92	1692448.0377	581801.152
96	R93	1692448.079	581832.6117
97	R94	1692532.305	581833.532
98	R95	1692527.077	581846.469
99	R96	1692480.331	581845.894
100	R97	1692480.091	581872.892
101	R98	1691801.472	581864.651
102	R99	1691801.473	581856.836
103	R100	1691798.064	581856.76
104	R101	1691795.80	581855.40
105	R102	1691791.33	581854.81
106	R103	1691788.084	581855.012
107	R104	1691763.063	581856.569
108	R105	1691759.739	581856.146
109	R106	1691758.30	581857.25
110	R107	1691752.973	581857.392
111	R108	1691747.972	581857.401
112	R109	1691742.975	581857.168
113	R110	1691737.988	581856.282
114	R111	1691735.25	581856.15
115	R112	1691726.125	581854.715
116	R113	1691725.721	581855.995
117	R114	1691713.855	581851.445
118	R115	1691693.591	581849.466
119	R116	1691692.930	581862.997
120	R117	1692410.061	581774.656
121	R118	1692427.437	581774.154

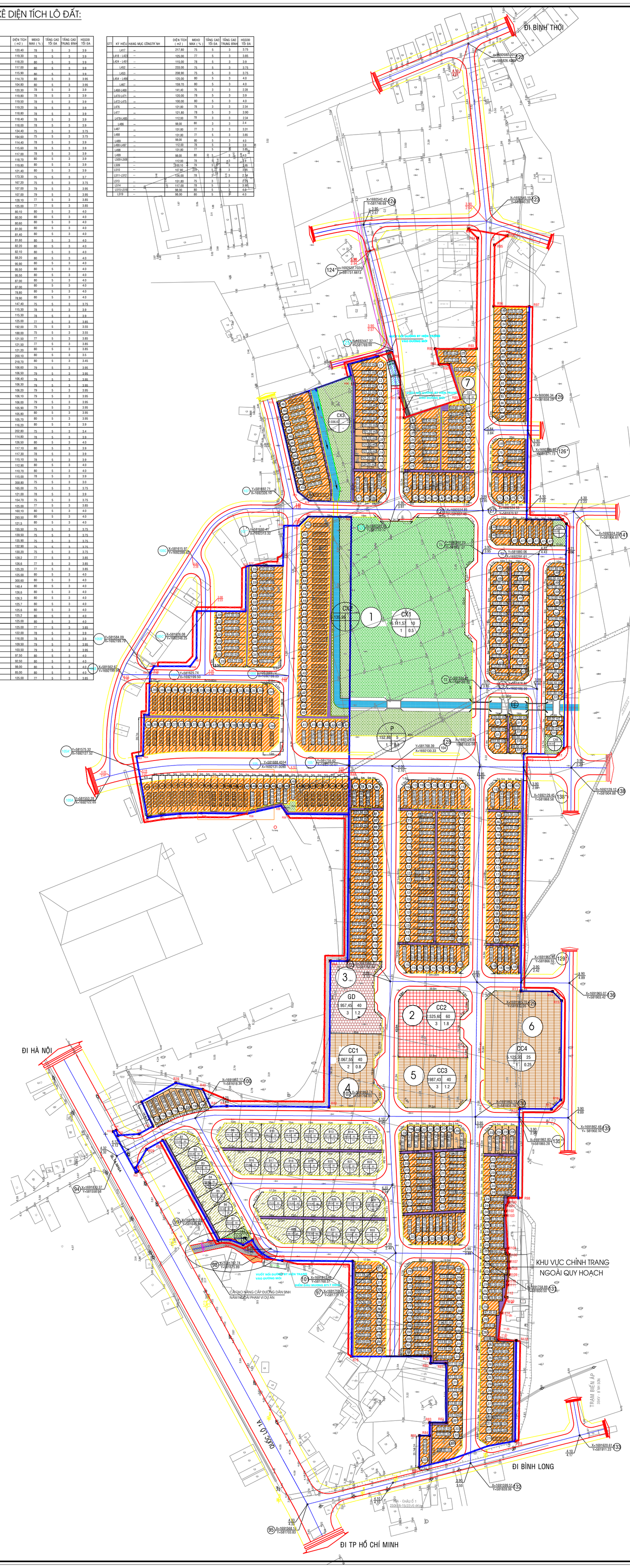

GHI CHÚ:

1. KHU LIÊN HỢP THỂ THAO
2. SIÊU THỊ
3. NHÀ TRẺ MẪU GIÁO
4. NHÀ SINH HOẠT TỔ DÂN PHỐ
5. VIỆN KIỂM SÁT
6. NHÀ TRUYỀN THỐNG VÀ THƯ VIỆN HUYỆN
7. ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
P. BÃI ĐỖ XE

B13 — KÍ HIỆU LÔ ĐẤT
2.423,40 — DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M2)
40 — MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)
2 — TẦNG CAO TRUNG BÌNH
80 — MẬT ĐỘ XÂY DỰNG

- ĐẤT Ở LIÊN KỀ
- ĐẤT Ở BIỆT THỰ
- ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ
- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ĐẤT CÔNG TRÌNH CƠ QUAN
- ĐẤT TRƯỜNG HỌC MẪU GIÁO
- ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở
- ĐẤT CÂY XANH THỂ DỤC THỂ THAO
- ĐẤT KỸ THUẬT
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- RANH GIỚI GIẢI TỎA ĐỀN BÙ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: UBND HUYỆN BÌNH SƠN
(KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM .....)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN BÌNH SƠN
(KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM .....)

CHỦ ĐẦU TƯ: TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5 - CTCP
(KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM .....)

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500
KHU DÂN CƯ ĐÔNG - NAM THỊ TRẤN CHÂU Ổ, HUYỆN BÌNH SƠN

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH PHÂN LÔ

BV: QH-04	GHÉP: 01 TỜ A0	TỶ LỆ IN: 1/500	THÁNG:
THIẾT KẾ	KTS. TRẦN ĐẶNG UYÊN CHÂU		
THỂ HIỆN	KTS. TRẦN ĐẶNG UYÊN CHÂU		
CHỦ TRÌ	KTS. NGUYỄN BÁ HUỆ		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN THANH QUYỀN		

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN THANH QUANG

CÔNG TY TNHH MTV DI SẢN VÀ ĐÔ THỊ
ASOKA VIỆT NAM
TẦNG 5, TÒA NHÀ LIGHTHOUSE- 1254 XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH- Q. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG- VIỆT NAM
TEL: (0511) 3 606 074 FAX: (0511) 3 828 889 E-MAIL: ASOKAVIETNAM@GMAIL.COM HL: 0914 111 78